

Số: 22 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Công trợ kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa
xếp hạng cấp thành phố giai đoạn 2018 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Di sản Văn hóa ngày 29/6/2001;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa ngày 18/6/2009;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;
Căn cứ Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
Xét Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 09/11/2017 và Đề án số 7860/ĐA-UBND ngày 09/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Công trợ kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng cấp thành phố giai đoạn 2018 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công trợ kinh phí từ ngân sách thành phố để trùng tu, tôn tạo 140 di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng cấp thành phố giai đoạn 2018 - 2025 (có danh sách kèm theo). Cụ thể như sau:

- Công trợ mỗi di tích: 300 triệu đồng;
- Tổng số kinh phí công trợ: **43.834.800.000** đồng (Bốn mươi ba tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng). Trong đó:
 - + Giai đoạn 1: Từ năm 2018 - 2021: Công trợ cho 100 di tích với tổng kinh phí: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Riêng năm 2018 trùng tu, tôn tạo cho 40 di tích xuống cấp nghiêm trọng.

+ Giai đoạn 2: Từ năm 2022 - 2025: Công trợ cho 40 di tích với tổng kinh phí: 12.454.800.000 đồng (*Mười hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, tám trăm nghìn đồng*) đã cộng thêm tỷ lệ trượt giá 3,79% tính theo năm 2017.

+ Ngân sách cấp xây dựng, quản lý và triển khai Đề án (08 năm: từ 2018-2025): 1.380.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi triệu đồng*).

- Nguồn vốn công trợ: Nguồn chi sự nghiệp của ngân sách thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo:

- Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định.

- Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tài chính lập dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định.

- Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát đưa ra khỏi danh sách di tích được công trợ đối với các di tích thuộc diện di dời giải phóng mặt bằng, di tích đã có được nguồn vốn trùng tu, tôn tạo bảo đảm 100%.

Hàng năm, rà soát, đánh giá lại mức độ xuống cấp của từng di tích, xếp theo thứ tự ưu tiên, lập danh sách các di tích xuống cấp nghiêm trọng cần được trùng tu, tôn tạo để kịp thời bổ sung, thay thế, song không làm phát sinh số lượng di tích được trùng tu, tôn tạo theo từng năm của Đề án. Việc trùng tu, tôn tạo phải đảm bảo các quy định của pháp luật, không làm biến dạng những thành tố nguyên gốc của di tích, kết hợp xác định, cắm mốc giới hành lang bảo vệ di tích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017. ✓

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH; Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH)
- Bộ VH,TT&DL;
- TT TU; TT HĐND; UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP; các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận/huyện;
- CVP; các PCVP HĐND TP;
- Báo HP; Đài PT&TH HP;
- Công báo TP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỷ họp.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

DANH SÁCH
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA XẾP HẠNG CẤP THÀNH PHỐ
PHẦN KỲ CÔNG TRỢ GIAI ĐOẠN 2018 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết về Công trợ kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng cấp thành phố giai đoạn 2018 - 2025)

*** NĂM 2018 (40 DI TÍCH):**

STT	Tên di tích	Địa điểm	Số Quyết định xếp hạng
1	Đình Nước	Xã Đại Bản, huyện An Dương	150/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
2	Đình Đại Trang	Xã Bát Trang, huyện An Lão	225/QĐ-UBND ngày 17/1/2014
3	Chùa Hòa Hy	Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải	203/QĐ-UBND ngày 19/01/2004
4	Đồn cỏ Xuân Đám	Xã Xuân Đám, huyện Cát Hải	66/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
5	Đình Trung Hoa	Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	1322/QĐ-UBND ngày 25/8/2011
6	Đền Thượng Đức	Phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	1676/QĐ-UBND ngày 03/09/2013
7	Đình Lương Khê	Phường Trảng Cát, quận Hải An	177/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
8	Chùa An Lạc	Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	177 / QĐ-UBND ngày 28/01/2005
9	Đình Gia Viên	Phường Gia Viên, quận Ngô Quyền	204/QĐ-UBND ngày 19/1/2004
10	Đình Lãm Khê	Phường Đồng Hòa, quận Kiến An	265/QĐ-UBND ngày 09/02/2010.
11	Chùa Ngọc Tĩnh	Xã Tân Trào, Huyện Kiến Thụy	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
12	Đình Trung	Xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên	2848/QĐ-UBND ngày 21/11/2002
13	Đền Bì	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng	1327/QĐ UBND ngày 25/8/2011
14	Đình Trần Dương, Chùa Quang Long	Xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo	888/QĐ-UBND ngày 30/05/2008
15	Đình Áng Ngoại	Xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo	1318/QĐ-UBND ngày 25/8/2011
16	Đình Văn Xá	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	178/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
17	Từ đường Tam Tiến Sĩ	Xã An Thái, huyện An Lão	177QĐ-UBND ngày 28/01/2005.

18	Đình Hoàng Xá	Thị trấn An Lão	2180/QĐ-UBND ngày 13/10/2014
19	Đình, Chùa Tiểu Trà	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
20	Đình Quý Kim	Phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	3318/QĐ-UBND ngày 16/12/2003
21	Đình Cát Khê	Phường Trảng Cát, quận Hải An	890/QĐ-UBND ngày 30/5/2008
22	Đình Quỳnh Cư	Phường Hùng Vương	177QĐ-UB Ngày 28/01/2005
23	Miếu An Đà	Phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền	2036/QĐ-UBND ngày 08/10/2009
24	Đình Đồng Khê	Phường Đồng Hòa, quận Kiến An	152/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
25	Từ đường, lăng tổ họ Đoàn	Thôn Kim Sơn, Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy	511/QĐ-UBND ngày 02/4/2010
26	Đình Thiên Đông	Xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên	1326/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
27	Phủ Từ Đông Môn	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	164/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
28	Đình, chùa Xa Vỹ	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng	886/QĐ-UBND ngày 30/05/2008
29	Đền Trúc Hiệp	Xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo	2040/QĐ-UBND ngày 08/10/2009
30	Đình Mai Sơn	Xã Nhân Hòa, Huyện Vĩnh Bảo	178/QĐ-UB ngày 28/01/2005
31	Đền Phạm Thượng Quận	Xã An Hưng, huyện An Dương	1320/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
32	Đình Đồng Giới	Thị trấn An Dương, huyện An Dương	197/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
33	Đình, Chùa Trung Thanh Lang	Xã An Thái, huyện An Lão	178 / QĐ-UBND ngày 28/01/2005
34	Đình Chùa Văn Chấn	Xã Văn Phong, huyện Cát Hải	198/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
35	Đình, Chùa Phương Lung	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	2261/QĐ-UBND ngày 19/09/2003
36	Đền Đức Hậu	Phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	1675/QĐ-UBND ngày 03/09/2013
37	Đình Cát Bi	Phường Trảng Cát, quận Hải An	154/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
38	Đình Khúc Trì	Phường Ngọc Sơn, quận Kiến An	153/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
39	Từ đường họ Bùi Quang	Xã Cáp Tiến, huyện Tiên Lãng	2213/QĐ-UBND ngày 24/9/2015

40	Đình Lương Câu	Xã Tân Viên, huyện An Lão	1319/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
----	----------------	------------------------------	---------------------------------

*** TỪ NĂM NĂM 2019 ĐẾN HẾT NĂM 2025 (100 DI TÍCH)**

STT	Tên di tích	Địa điểm	Số Quyết định xếp hạng
1	Chùa Lê Xá	Xã Tú Sơn, Huyện Kiến Thụy	264/QĐ-UBND ngày 09/02/2010
2	Đình, Chùa Thái Lai	Xã Cao Nhân, Huyện Thủy Nguyên	355/QĐ-UBND ngày 11/02/2003
3	Đình Chiếm Phương	Xã Hòa Bình, Huyện Thủy Nguyên	355/QĐ-UBND ngày 11/2/ 2003
4	Miếu Phương Lai	Xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng	156/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
5	Đình, Chùa Giang Khẩu	Xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng	172/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
6	Đình Thượng Trung	Xã Liên Am, Huyện Vĩnh Bảo	157/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
7	Đình Hội Am	Xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo	2429/QĐ-UB ngày 24/10/2005
8	Đình Nhu Kiều	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương	166/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
9	Chùa Lai Thị	Xã Tân Dân, huyện An Lão	889/QĐ-UBND ngày 26/04/2006
10	Đình Quán Trang	Xã Bát Trang, huyện An Lão	888/QĐ-UBND ngày 26/04/2006
11	Đình, Miếu Nghĩa Lộ	Xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	177/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
12	Đình An Lạc	Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	1349/QĐ-UBND ngày 10/08/2010
13	Từ đường họ Nguyễn Văn	Phường Bàng La, quận Đồ Sơn	1323/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
14	Đình Lục Hành	Phường Đằng Lâm, quận Hải An	2179 /QĐ-UBND ngày 07/ 11 / 2007
15	Đình Quy Túc	Phường Phù Liễn, quận Kiến An	178/QĐ-UB ngày 28/01/2005
16	Từ đường họ Nguyễn Duy	Xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy	195/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
17	Miếu Phả Lễ	Xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên	178/QĐ-UB ngày 28/01/2005
18	Đình Tiên Lãng	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng	2028/QĐ-UBND ngày 08/10/2009
19	Đền Kinh Điền	Xã Tân Viên, huyện An Lão	2848/QĐ-UB ngày 21/11/2002

20	Phủ Đường Thủy Nguyên	Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên	244/QĐ-UBND ngày 09/02/2007
21	Miếu, Chùa Trung Lãng	Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	178/ QĐ- UBND ngày 28/01/ 2005
22	Chùa Vạn Thắng	Xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo	55/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
23	Chùa Lạng Am	Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	2178/QĐ-UBND 07/11/2007
24	Đình, chùa làng Đình Ngọ	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	149/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
25	Cụm di tích Trạng Nguyễn Trần Tất Văn (Đình Nguyệt Áng)	Xã Thái Sơn, huyện An Lão	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
26	Đình và chùa Đại Phương Lang	Xã An Thọ, huyện An Lão	2034/QĐ- UBND ngày 08/10/2009
27	Đình Trần Châu	Xã Trần Châu, huyện Cát Hải	1317/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
28	Đền Vọng Hải	Phường Anh Dũng, quận Dương Kinh	1443/QĐ-UBND ngày 5/9/2012
29	Đàn Thiện	Phường Đông Hải 1, quận Hải An	2037/QĐ- UBND ngày 08/10/2009
30	Đình Lệ Tảo	Phường Lam Sơn, quận Kiến An	205/QĐ-UBND ngày 19/01/2004
31	Chùa Nhân Trai	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy	2265/QĐ-UBND ngày 19/09/2003
32	Từ đường họ Đặng	xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy	512/QĐ-UBND ngày 02/4/2010
33	Đình Pháp Cổ	Xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên	259 /QĐ-UBND ngày 09/02/2010
34	Đình Niêm Sơn Nội	Xã Kỳ Sơn, Huyện Thủy Nguyên	887/QĐ-UBND ngày 30/05/2008
35	Đình và chùa Đông Côn	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng	2041/QĐ-UBND ngày 08/10/2009
36	Đền Ngọc Động	Xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng	177/QĐ- UB ngày 28/01/2005
37	Miếu Cúc Phố	Xã Vinh Quang, Huyện Vĩnh Bảo	1329/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
38	Chùa Sẻ (Linh Ứng Tự)	Xã Hưng Nhân, Huyện Vĩnh Bảo	198/QĐ-UB ngày 19/01/2004
39	Đình Văn Phong	Xã Đông Thái, huyện An Dương	1535/QĐ-UBND ngày 18/09/2008
40	Đình Cốc Tràng	Xã Chiến Thắng, huyện An Lão	1442/QĐ-UBND ngày 05/09/2012
41	Đình Phù Long	Xã Phù Long, huyện Cát Hải	267/QĐ-UBND ngày 09/02/2010

42	Đình Phúc Lộc	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	227/QĐ-UBND ngày 17/1/2014
43	Miếu Thượng Đoạn Xá	Phường Đông Hải, quận Hải An	199/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
44	Đình Phù Lưu	Phường Tràng Minh, quận Kiến An	171/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
45	Đình và Chùa Cốc Liễn	Xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy	1898 /QĐ UBND ngày 24/08/ 2006
46	Chùa Xuân Chiếng	Xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy	263/QĐ-UBND ngày 09/02/2010
47	Miếu An Thạch	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng	1447/QĐ-UBND ngày 05/09/2012
48	Chùa Cẩm La	Xã Tự Cường, Huyện Tiên Lãng	1446/QĐ-UBND ngày 05/09/2012
49	Đình Làng Độ	Xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo	1344/QĐ-UBND ngày 10/08/2010
50	Chùa Hoa Am và Đền thờ Tiến sỹ Dương Đức Nhan	Xã Cộng Hiền, Huyện Vĩnh Bảo	1670/QĐ-UBND ngày 03/09/2013
51	Chùa Lý Nhân	Xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo	1345/QĐ-UBND ngày 10/08/2010
52	Đền Kiều Đông	Xã Hồng Thái, huyện An Dương	58/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
53	Đình Hồ Đông	Xã Hồng Phong, huyện An Dương	222/QĐ-UBND ngày 17/1/2014
54	Đình Thái Lai	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	65/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
55	Đình Văn Hòa	Xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy	67/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
56	Văn miếu Xuân La	Xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy	1343/QĐ-UBND ngày 10/08/2010
57	Đình - chùa Làng Giá	Xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên	1349/QĐ-UBND ngày 10/8/2010
58	Đình, Đền Tuy Lạc	Xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên	178/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
59	Chùa Phù Lưu	Xã Phù Ninh, Huyện Thủy Nguyên	2848/QĐ-UB Ngày 21/11/2002
60	Đình Thượng và Chùa Hàm Long	Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2175 QĐ-UBND ngày 07/11/2007
61	Đình Hạ Côi	Xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên	162/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
62	Đền Phò Mã	Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	161/QĐ-UBND ngày 21/01/2009
63	Chùa My Sơn	Xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	2263/QĐ-UB ngày 19/09/2003

64	Đình Chanh Chữ	Xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
65	Chùa Tây Ngư	Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo	178/QĐ-UB ngày 28/01/2005
66	Miếu An Lạc	Xã Tiền Phong, huyện Vĩnh Bảo	885/QĐ-UBND ngày 26/04/2006
67	Miếu Linh Đông	Xã Tiền Phong, huyện Vĩnh Bảo	1534/QĐ-UBND ngày 18/09/2008
68	Đền Vua Bà	Xã An Hồng, huyện An Dương	151/QĐ-UBND ngày 27/01/2011
69	Đình Kiến Phong	Xã Đồng Thái, huyện An Dương	1321/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
70	Chùa Ngọc Liên (Trung Linh Tự)	Xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy	178/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
71	Từ Đường Nguyễn Như Quê	Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	178/QĐ-UBND ngày 28/01/2005
72	Đình Lạng Côn	Xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	262/QĐ-UBND ngày 09/02/2010
73	Đình và Chùa Tú Đôi	Xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	2426/QĐ-UB ngày 24/10/ 2005
74	Từ đường họ Nguyễn Công	Xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên	1324/QĐ-UBND ngày 25/08/2011
75	Đình Bính Giáp Động	Xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên	2033/QĐ-UBND ngày 08/10/2009
76	Đình, Chùa Dục Liên	Xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên	2848/QĐ-UB ngày 21/11/2002
77	Đền, Chùa Lương Kê (Lương Đường)	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	177/QĐ-UBND Ngày 28/01/2005
78	Đình Hàn Cầu	Xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
79	Miếu Ụ	Xã Trán Dương, huyện Vĩnh Bảo	208/QĐ-UBND ngày 19/01/2004
80	Đình chùa Tam Sơn	Xã Thủy Sơn, Huyện Thủy Nguyên	201/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
81	Đền chùa An Bảo	Xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo	1538/QĐ-UBND Ngày 18/09/2008
82	Đền Trần Quận Công	Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	1439/QĐ-UBND ngày 05/09/2012
83	Đền vua Linh	Xã An Hồng, huyện An Dương	2174/QĐ-UBND ngày 13/10/2014
84	Đình Đông	Xã Đại Bản, huyện An Dương	2209/QĐ-UBND ngày 24/9/2015
85	Đền Vạn Chài	Phường Vạn Hương, huận Đồ Sơn	202/QĐ-UBND ngày 23/01/2013
86	Kho Xăng	Phường Vạn Sơn,	1452/QĐ-UB

		Quân Đồ Sơn	ngày 19/05/2004
87	Nhà số 2 phố Tôn Dân	Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
88	Trường Tiểu học Minh Khai	Phường Mê Linh, Quận Lê Chân	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
89	Đình Hào Khê	Phường Kênh Dương, quận Lê Chân	1533/QĐ-UBND ngày 18/09/2008
90	Từ đường họ Dương	Phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân	63/QĐ-UBND ngày 12/01/2012
91	Chùa Phở Chiếu	Phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân	2423/QĐ-UB ngày 24/10/2005
92	Đề lao Hải Phòng	125 Nguyễn Đức Cảnh, phường An Biên, Quận Lê Chân	734/QĐ-UB ngày 11/05/2005
93	Miếu Kính Trục	Xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	2181/QĐ-UBND ngày 13/10/2014
94	Chùa Cổ Trai	Xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	178/QĐ-UB ngày 28/01/2005
95	Miếu quan Đề Tảo	Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	2182/QĐ-UBND ngày 13/10/2014
96	Đền Kinh Sơn	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng	2260/QĐ-UB ngày 19/09/2003
97	Chùa, miếu Dâu	Xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
98	Đình, chùa Cự Lai	Xã Dũng Tiên, huyện Vĩnh Bảo	177/QĐ-UB ngày 28/01/2005
99	Chùa, miếu Tây An Bò	Xã Tiến Dũng, huyện Vĩnh Bảo	1346/QĐ-UBND ngày 10/08/2010
100	Đền Nghè và Đền Chợ Giá	Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên	2177/QĐ-UBND ngày 07/11/2007